

Bản số: 10/2023/HS-ST

Ngày 30/3/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang

2. Bà Nguyễn Thị Cương

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Hoa – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên toà: Ông V Đình Ước - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

- Bị cáo:

Họ và tên: Đồng Thị B, sinh năm 2002;

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Núi L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ tên mẹ: Đồng Thị H, sinh năm 1977; không có bố; Chồng: Trần Văn Ph, sinh năm 1991(đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Chị Hứa Thị T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

+ Anh Vi Văn V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Đều cư trú: Bản Trại L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản X, xã Xuân L, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Võ Lê Diệu P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 220/12D, đường 14/9, phường 5, tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Chị Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 01, đường An Hội, phường 13, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Tân T, xã Tân M, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

+ Chị Đỗ Thị Mỹ C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 3, thị trấn Đăk M, huyện Krong N, tỉnh Đăk Nông.

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đồng T, xã Hoàng L, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Người làm chứng:

+ Chị Đỗ Thạch T, sinh năm 2001(vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đền C, xã Tam H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

+ Chị Đoàn Thị P, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản C, xã Canh N, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10 năm 2020, Đồng Thị B, sinh năm 2002 ở bản Núi L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang làm nhân viên chốt đơn bán hàng online cho chị Hứa Thị T, sinh năm 1995 ở bản Trại L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với tên shop "HỨA THỊ T". Khi chị Th "Live Stream" để bán hàng trên mạng xã hội Facebook, nếu có khách hàng vào mua hàng thì sẽ để lại tên và số điện thoại. Sau đó chị Đỗ Thạch T, sinh năm 2001 ở thôn Đền C, xã Tam H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang sẽ lập danh sách khách hàng (*gồm tên, địa chỉ và số điện thoại đăng ký mua hàng*) rồi chuyển cho các nhân viên chốt đơn, trong đó có B. Sau khi nhận được danh sách do chị T chuyển đến thì B sử dụng số điện thoại di động của shop liên lạc với khách hàng để “chốt” tên hàng, số lượng và báo giá đơn hàng cho khách. Nếu là khách quen có thể trực tiếp nhắn tin vào Zalo “*Đồng B*” của B để đặt mua hàng. B cung cấp cho khách hàng số tài khoản của shop “HỨA THỊ T để khách hàng sẽ chuyển tiền thanh toán đơn hàng vào một trong 06 số tài khoản ngân hàng: 01 tài khoản Ngân hàng Vietcombank số: 0731000827479 và 01 tài khoản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) số: 2622299999 đều mang tên anh Vi Văn V, sinh năm 1993 ở bản Trại L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (là chồng chị Th); 02 tài khoản Ngân hàng Agribank số: 2508205271076 và số 2508555555555, 01 tài khoản

Ngân hàng Techcombank số: 19034214056065 và 01 tài khoản Ngân hàng MB Bank số: 3838555555555555 đều mang tên chị Hứa Thị T.

Ngày 15/5/2022, chị Đoàn Thị P, sinh năm 1996 ở bản C, xã Canh N, huyện Yên Thế cùng là nhân viên chốt hàng phát hiện 02 tờ in đơn hàng để dưới tấm lót chuột vì tính thể hiện B chốt đơn, chị P đã báo lại với chị T. Do nghi ngờ B trộm cắp nên chị T đã cho nhân viên kiểm tra lại toàn bộ danh sách đơn hàng đã chốt và liên lạc với khách hàng thì phát hiện B có hành vi yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của B để lén lút chiếm đoạt tiền khách mua hàng của chị T. Ngày 30/5/2022, chị T có đơn trình báo đến Công an xã Tam T, huyện Yên Thế (bút lục số 69).

Ngày 01/6/2022, chị Đỗ Thạch T giao nộp cho cơ quan điều tra 143 tờ in đơn hàng, gồm: 63 tờ in đơn hàng mang tên khách hàng "*Cắm Loan*", 22 tờ in đơn hàng mang tên khách hàng "*Chi Do*", 19 tờ in đơn hàng mang tên khách hàng "*Ánh Chibi*", 07 tờ in đơn hàng mang tên khách hàng "*Nguyễn Khuyên*", 32 tờ in đơn hàng mang tên khách hàng "*Diệu Ph Võ Lê*" đều được in từ ứng dụng chốt đơn "*Live Stream Pro*" của shop "HỨA THỊ T" (bút lục 341).

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê lịch sử giao dịch 02 tài khoản Ngân hàng MB Bank số: 8682888828888 và 6862888829999; 01 tài khoản Ngân hàng AgriBank số: 2508205254871 do B sử dụng để tiến hành đối chiếu với các mã giao dịch do khách hàng "*Cắm Loan*", "*Chi Do*", "*Ánh Chi bi*", "*Diệu Ph Võ Lê*", "*Nguyễn Khuyên*" chuyển khoản với 143 tờ in đơn hàng đã xác định có 36 đơn hàng khách hàng đã chuyển vào tài khoản do B sử dụng, cụ thể:

1. Khách hàng "*Diệu Ph Võ Lê*" là chị Võ Lê Diệu Ph, sinh năm 1980 ở số 220/12D, đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã chuyển khoản thanh toán 15 đơn hàng với tổng số tiền là: 19.595.000 đồng vào 03 tài khoản do B sử dụng, cụ thể:

+ Tổng số 10 đơn hàng = 12.079.000 đồng, số tiền trên chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank số: 2508205254871 (*tài khoản của anh Ph*), gồm:

1. Ngày 10/11/2020, chuyển khoản 1.242.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 283227 (*thừa 445.000 đồng*);

2. Ngày 28/11/2020, chuyển khoản 1.527.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 298688;

3. Ngày 09/12/2020, chuyển khoản 1.065.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 308222;

4. Ngày 19/12/2020, chuyển khoản 1.667.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 316615 (*thừa 590.000 đồng*);

5. Ngày 27/12/2020, chuyển khoản 1.284.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 32458;

6. Ngày 18/01/2021, chuyển khoản 886.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 349869;

7. Ngày 02/02/2021, chuyển khoản 1.337.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 373136 (*thừa 200.000 đồng*);

8. Ngày 06/04/2021, chuyển khoản 1.077.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 425305;

9. Ngày 19/04/2021, chuyển khoản 882.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 434408;

10. Ngày 22/04/2021, chuyển khoản 1.112.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 436924 (bút lục 230).

+ Tổng số 04 đơn hàng = 5.492.000 đồng, số tiền này chuyển vào tài khoản vào tài khoản Ngân hàng MB bank số 8682888828888 (*tài khoản của B*), gồm:

1. Ngày 04/01/2022, chuyển khoản 892.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 624777;

2. Ngày 23/02/2022, chuyển khoản 1.940.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 675498;

3. Ngày 18/03/2022, chuyển khoản 1.215.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 696811;

4. Ngày 26/03/2022, chuyển khoản 1.445.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 705764.

+ 01 đơn hàng vào ngày 15/4/2022, chuyển khoản 2.024.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 727689 vào tài khoản Ngân hàng MB bank số: 6862888829999 (*tài khoản của B*) (bút lục 231, 232).

2. Khách hàng “*Cẩm Loan*” là chị Lê Thị Cẩm Loan, sinh năm 1963 ở số nhà 01, đường An Hội, Phường 13, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển khoản thanh toán 17 đơn hàng với tổng số tiền là: 15.781.000 đồng vào 02 tài khoản B sử dụng, cụ thể:

- Tổng số 16 đơn hàng = 15.121.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank số: 2508205254871 (*tài khoản của anh P*), gồm:

1. Ngày 14/10/2020, chuyển khoản 912.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 242312;

2. Ngày 19/10/2020, chuyển khoản 207.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 252065;

3. Ngày 30/10/2020, chuyển khoản 870.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 263979;

4. Ngày 17/11/2020, chuyển khoản 630.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 290225;

5. Ngày 29/11/2020, chuyển khoản 1.027.000 đồng thanh toán 02 mã đơn hàng 299169 và mã đơn hàng 199182;

6. Ngày 05/12/2020, chuyển khoản 1.107.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 304722;

7. Ngày 12/12/2020, chuyển khoản 1.187.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 310559 (*thừa 285.000 đồng*);

8. Ngày 23/12/2020, chuyển khoản 882.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 321744 (*thừa 170.000 đồng*);

9. Ngày 30/12/2020, chuyển khoản 1.562.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 327378;

10. Ngày 05/01/2021, chuyển khoản 1.257.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 335002;

11. Ngày 12/01/2021, chuyển khoản 982.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 343582;

12. Ngày 25/01/2021, chuyển khoản 1.141.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 362204;

13. Ngày 29/01/2021, chuyển khoản 882.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 369033 (*thừa 555.000 đồng*);

14. Ngày 02/02/2021, chuyển khoản 1.321.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 373478 (*thừa 50.000 đồng*);

15. Ngày 04/11/2021, chuyển khoản 1.154.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 559459. (bút lục 233).

- 01 đơn hàng vào ngày 11/3/2022, chuyển khoản 660.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 689602 vào tài khoản Ngân hàng MB bank số: 8682888828888 (*tài khoản của B*) (bút lục 234).

3. Khách hàng “*Ánh Chi bi*” là chị Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1994 ở thôn Tân Thành, xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã chuyển khoản thanh toán 04 đơn hàng với tổng số tiền là: 3.242.000 đồng vào 02 tài khoản B sử dụng, cụ thể:

- Tổng số 03 đơn hàng = 2.412.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank số: 2508205254871 (*tài khoản của anh Ph*), gồm:

1. Ngày 16/11/2020, chuyển khoản 823.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 289070 (*thừa 130.000 đồng*);

2. Ngày 19/01/2021, chuyển khoản 907.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 353178;

3. Ngày 18/03/2021, chuyển khoản 682.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 406882 (*thừa 120.000 đồng*) (bút lục 235).

- 01 đơn hàng vào ngày 11/02/2022, chuyển khoản 830.000 đồng thanh toán mã đơn hàng 657659 vào tài khoản Ngân hàng MB bank số 8682888828888 (*tài khoản của B*) (bút lục 236).

Đối với khách hàng “Chi Do” là chị Đỗ Thị Mỹ Chi, sinh năm 1985, trú tại tổ 3, thị trấn Đắk Mâm, huyện Krong Nô, tỉnh Đắk Nông và khách hàng “Nguyễn K” là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 ở thôn Đồng Thịnh, xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Kết quả đối chiếu thể hiện: Không có mã giao dịch nào thể hiện việc hai khách hàng nêu trên chuyển khoản đến 03 số tài khoản B sử dụng để chiếm đoạt tiền của chị T.

Đối với số tiền 590.000 đồng do chị P chuyển thừa tại đơn hàng mã số 316615. Kết quả điều tra xác định: Chị P chuyển khoản tiền bằng đúng giá trị tiền hàng mua, tuy nhiên khi lên đơn, giao hàng thì chị P được shop thông báo không còn đủ số lượng hàng. Sau đó, B đã chuyển khoản trả lại chị Ph số tiền trên.

Đối với tổng số tiền 1.955.000 đồng do chị L, chị P và chị A chuyển thừa, các chị nêu trên đều xác định là tiền thưởng cho B, B không yêu cầu phải chuyển và họ không yêu cầu B trả lại (bút lục 241-320).

Đối với các đơn hàng trùng mã đơn, các đơn hàng không thể hiện giao dịch chuyển khoản thanh toán tiền đến 03 số tài khoản do B sử dụng: B và chị T đều xác định các đơn hàng này có thể bị lỗi, khách hủy hoặc không nhận hàng, chị T xác định không bị thiệt hại đối với các đơn hàng đó (bút lục 79).

Tại cơ quan điều tra, B đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. B thừa nhận: B nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị T thông qua việc chốt đơn bán hàng online và tự ý yêu cầu khách hàng chuyển tiền thanh toán hàng vào 02 tài khoản của B số 8682888828888 và số 6862888829999 và tài khoản của anh P số: 2508205254871 mang tên Trần Văn P, sinh năm 1991 ở bản X, xã Xuân L, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (chồng B) để chiếm đoạt số tiền hàng khách đặt mua. Sau khi khách hàng chuyển tiền thành công vào tài khoản do B cung cấp, B cầm đơn hàng xuống kho hàng của shop tự mình nhặt hàng theo đơn rồi chuyển cho bộ phận đóng gói để chuyển đi cho khách, có đơn hàng thì B đưa đơn hàng cho nhân viên bộ phận đóng hàng để đóng hàng gửi đi cho khách. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/10/2020 đến ngày 15/4/2022, B đã chiếm đoạt giá trị của 36 đơn hàng với tổng số tiền là 36.073.000 đồng (bút lục 108-127).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 26/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đồng Thị B từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Đồng Thị B phải trả lại cho chị Hứa Thị T, anh Vi Văn V với tổng số tiền 36.073.000đồng.

Về vật chứng: không đặt ra xem xét.

Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi mình là trái pháp luật và ăn năn, hối cải. Đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thế; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, những người tham gia tố tụng và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kiểm điểm, bản tường trình, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ và các sao kê tài khoản, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Đồng Thị B là nhân viên chốt đơn bán hàng tại shop "HỨA THỊ T" của chị Hứa Thị Th ở bản Trại L, xã Tam T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. B đã lén lút trộm cắp tiền của chị T thông qua việc yêu cầu khách hàng chuyển tiền mua hàng vào 02 tài khoản Ngân hàng MB Bank số: 8682888828888 và 6862888829999 của Đồng Thị B và tài khoản Ngân hàng AgriBank số: 2508205254871 mang tên Trần Văn P do B sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/10/2020 đến ngày 15/4/2022, B đã chiếm đoạt giá trị của 36 đơn hàng với tổng số tiền là 36.073.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Trong đó: Một lần ngày 15/4/2022, B chiếm đoạt của 01 đơn hàng có giá trị 2.024.000 đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng*) và ngày 02/02/2021, B chiếm đoạt 02 đơn hàng tổng giá trị là 2.408.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*). Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, B đã chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đã có hành vi lén

lút yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản của cá nhân mình quản lý đối với chủ sở hữu tài sản nhằm lợi dụng sơ hở của họ để thực hiện với lỗi cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa Ph nên hành vi trộm cắp tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo xuất trình phiếu siêu âm của Trung tâm y tế huyện Yên Thế chẩn đoán đang mang thai được 19 tuần nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cơ sở.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự;

Bị hại là anh V, chị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 36.073.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường số tiền 36.073.000 đồng nhưng chưa có tiền trả cho chị T, anh V và đề nghị để bị cáo đi làm trả sau. Như vậy, người bị hại yêu cầu bị cáo là phù hợp cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho chị T, anh V số tiền là 36.073.000 đồng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với việc anh Ph cho B sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 2508205254871, anh P không biết B sử dụng để phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý anh P là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đồng Thị B 01 năm 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 579, Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Đồng Thị B phải trả lại cho chị Hứa Thị T, anh Vi Văn V với tổng số tiền 36.073.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Bị cáo Đồng Thị B được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Công an huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Bị cáo;
- Bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên